

Bản án số: 29/2019/HS-ST

Ngày: 13 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Biên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Rạng.

Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/HSST ngày 02 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Mai Văn T - Sinh năm 1996 tại xã Nghĩa Tr, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã Nghĩa Tr, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; con ông: Mai Văn S, sinh năm 1972 và bà Dương Thị H, sinh năm 1974, cả hai hiện làm ruộng tại xã Nghĩa Tr, N, Nam Định; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Mai Văn T bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

*** Người bị hại:** Anh Lã Quang Điện, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đông, thị trấn Liễu Đề, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Chị Đỗ Thị Bốn - Sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: Xóm 04, xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Viện Kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về hành vi phạm tội: Khoảng 14 giờ ngày 26/02/2019, Mai Văn T đi bộ từ nhà đến khu vực đường đông thuộc Xóm 3, xã Nghĩa Trung, huyện N, tỉnh Nam Định chơi. Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, Mai Văn T phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, sơn màu nâu, biển số 31U8 - 076 của anh Lã Quang Điện, sinh năm 1982, ở Tổ dân phố Đông, Thị trấn Liễu Đề, huyện N, tỉnh Nam Định đang dựng ở lề đường Quốc lộ 37 B, thuộc Xóm 3, xã Nghĩa Trung, huyện N, tỉnh Nam Định, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Tiền nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, sơn màu nâu, biển số 31U8 - 076 để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Quan sát xung quanh không có người, Tiền đến ngồi lên chiếc xe mô tô biển số 31U8 - 076, mở khóa điện nổ máy, điều khiển xe đi đến xã Nghĩa Châu và đến xã Nghĩa Thái đi theo đường Tỉnh lộ 490C đi đến khu vực huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định để tìm chỗ tiêu thụ. Trên đường đi sợ bị phát hiện, Tiền đã tháo yếm và biển số xe mô tô 31U8 - 076 vứt xuống sông thuộc khu vực cống Hà Dương, xã Nghĩa Châu, huyện N, tỉnh Nam Định. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Tiền mang chiếc xe mô tô không đeo biển số, không có yếm, sơn màu nâu đến bán cho bà Đỗ Thị Bốn, sinh năm 1969, ở Xóm 4, xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định với giá 1.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/HĐ - ĐGTS, ngày 28/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 31U8 - 076, sơn màu nâu, số khung: C100MN - 0082984, số máy: C100MNE - 0082984, đã qua sử dụng có giá trị là 2.350.000 đồng.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 02/5/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Mai Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên toà hôm nay đại diện VKSND huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 xử phạt Mai Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; truy thu số tiền 1.000.000 đồng Mai Văn T phạm tội mà có để sung công quỹ nhà nước; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Mai Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về định tội: Bị cáo Mai Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Phù hợp với các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Bị cáo Mai Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 31U8 - 076, sơn màu nâu, có số khung: C100MN - 0082984, số máy: C100MNE - 0082984, đã qua sử dụng của anh Lã Quang Điện, sinh năm 1982, ở Tổ dân phố Đông, Thị trấn Liễu Đề, huyện N, tỉnh Nam Định có giá trị 2.350.000 đồng. Giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt lớn hơn 2.000.000 đồng. Do đó bị cáo đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đó là quyền bất khả xâm phạm được pháp luật quy định và bảo vệ trong bộ luật hình sự, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của khu dân cư. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn kỷ cương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mai Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mai Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo Mai Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo Mai Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị can Mai Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Tuy nhiên, thấy cần phải cách ly để tập trung giáo dục, cải tạo bị cáo một thời gian nhất định mới có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 BLHS quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, Mai Văn T cầm có chiếc xe trộm cắp để vay mượn của bà Đỗ Thị Bốn, Tiền chi tiêu hết là số tiền bị cáo thu lợi bất chính cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, sơn màu nâu, không đeo biển số, không yếm đã qua sử dụng, có số khung: C100MN - 0082984, số máy: C100MNE - 0082984 của anh Lã Quang Điện bị mất trộm ngày 26/02/2019. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh Lã Quang Điện là chủ sở hữu. Anh Lã Quang Điện không có yêu cầu bồi thường khác vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Chiếc biển số 31U8 - 076 và 01 yếm của xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 31U8 - 076, sơn màu nâu, số khung: C100MN - 0082984, số máy: C100MNE - 0082984 trên đường đi Mai Văn T đã tháo vớt xuống sông thuộc khu vực cống Hà Dương, xã Nghĩa Châu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã truy tìm nhưng không thấy, anh Điện không bồi thường gì thêm khác vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Bị cáo Mai Văn T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của BLHS năm 2015.

Căn cứ Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt Mai Văn T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2019.

3. Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Mai Văn T số tiền 1.000.000 đồng là số tiền bị cáo phạm tội mà có.

4. Buộc bị cáo Mai Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Trại giam + CA;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã Nghĩa tr ;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án Phạt tù.

(Đã ký)

Bùi Văn Biên